

NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH*Sa-môn phiên dịch kinh Tuệ Lâm soạn.***QUYỂN 5**

(Âm kinh Đại Bát-nhã, từ quyển 410 đến 460)

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 410**

Hân lạc (忻樂). Ngược lại âm trên là hứa cân 許斤. Tư Mã Pháp giải thích rằng: Sự hân hoan tốt đẹp đến với người, tốt càng thêm tốt đẹp hơn lên. Hoặc viết là 欣, 訢 ba thể chữ hân đều đồng. Tỷ Thương cho rằng: Hân là xem sát.

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 411**

Hài cốt (骸骨). Ngược lại âm trên là hành giai 行皆. Theo Công Dương Truyện cho rằng: Hài cốt là tên gọi tổng thể xương thân thể của mình. Chữ hài 骸, trong quyển thứ nhất ở trước đã giải thích đầy đủ.

Công đức khải (功德鎧). Ngược lại âm dưới là khổ đại 苦代. Thuyết Văn cho rằng: Khải là cái áo giáp. Chữ viết từ bộ kim 金 đến chữ khải 愷 thanh tỉnh 省. Âm khải ngược lại âm khổ cải 苦改.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 412

Chưng tế (拯濟). Ngược lại âm vô bề 無髀. Lát chữ chứng 蒸 này là m thanh thượng, chứng 拯 nghĩa là cứu giúp người bị chìm đắm.
(Quyển 413, văn dễ không giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 414

Quyên trừ (蠲除). Ngược lại âm trên là quyết duyên 決緣. Khảo Thanh cho rằng: quyên 蠲 là sạch. Phương Ngôn cho rằng: Người của nam nước Sở cho rằng: Bệnh lần lần giảm gọi là quyên. Quách Phác cho rằng: Quyên là trừ bỏ.

Tuần thân quán (循身觀). Ngược lại âm trên là tịch tuân 夕遵. Quảng Nhã cho rằng: Tuần là theo, tuân theo. Tự Thư cho rằng: Tuần là đi quanh. Khảo Thanh cho rằng: Tuần là thuật lại điều hay, khéo léo, thuận theo. Trong kinh có viết tuần thân 循身 là sai. Dưới là chữ quán 觀, thanh khứ.

Ngộ寐 (悟寐). Ngược lại âm trên là ngộ cố 吾故. Khảo Thanh cho rằng: Trong lúc ngủ mà có chỗ thấy biết âm giáo nên sanh lòng tin. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Trong khi ngủ mà nói biết gọi là ngộ, tức là tỉnh dậy. Thuyết Văn nói chữ viết từ ngộ nay lược bớt đi. Từ chữ tường 𠄎 âm tương 牆 thanh ngô 吾. Ngược lại âm dưới là di tí 彌庇. Khảo Thanh cho rằng: Mị là ngủ say. Cố Dã Vương cho rằng: Mị là ngủ mê. Thuyết Văn cho là Nằm ngủ. Chữ viết từ bộ miên, âm là âm miên 綿, đến chữ ngộ nay lược bớt đi, thanh vị 未. Trong văn kinh có viết từ bộ huyết 穴 dưới viết ngộ寐 悟寐. Hoặc viết từ bộ tiểu 小 âm tâm 心. Viết ngộ寐 悟寐 từ bộ kiều 徼. Ngược lại âm kinh do 經由. Viết chữ ngộ寐 悟寐 đều chẳng đúng, chữ chánh thể.

Phẫu vi (剖為). Ngược lại âm phổ khẩu 普口. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phẫu 剖 là chẻ ra. Âm tích 析 là âm tích 昔. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ở trong phân ra gọi là phẫu 剖. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ đao 刀, thanh phẫu, âm bộ, ngược lại âm thổ khẩu 土口.

Triền quả (纏寡). Ngược lại âm trên là triệt liên 徹連. Khảo

Thanh cho rằng: Triền là sợi dây quấn lại, bó lại. Thuyết Văn cho là Triền là ràng buộc. Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh triền 塵. Ngược lại âm dưới là quang hỏa. Khảo Thanh cho rằng: quả 寡 là bao gói lại. Thuyết Văn cho là gói lại. Chữ viết từ bộ y 衣 thanh quả 果, hoặc viết là quả 果 vẫn thường dùng viết lược bớt.

Cân mạch (筋脈). Ngược lại âm trên là (居銀) cư ngân. Sách Chu Lễ cho là thầy thuốc lấy Can chi tân (辛) mà nuôi dưỡng gân. Thuyết Văn cho là sức mạnh của cơ bắp. Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến bộ trúc 竹, mà trúc có nghĩa là nhiều vật tượng trưng cho sức mạnh, bụi trúc có nhiều cây, nên cân 筋 là gân cốt để tạo cho con người có sức mạnh. Từ bộ lực 力 mà lực là sức mạnh giống như voi, cũng có viết từ bộ thảo 草, viết thành chữ cân, hoặc viết từ bộ giác 角 viết thành chữ cân, những chữ này đều chẳng đúng. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Người già không lấy gân là m sức mạnh hay năng lực là . Ngược lại âm dưới là ma bách 麻 佰. Theo sách Chu Lễ cho rằng: Lấy chất muối để nuôi dưỡng mạch. Thuyết Văn cho là Phân huyết lý đi trong cơ thể gọi là mạch. Chữ viết từ bộ huyết 血 đến bộ 衣 (phái). Ngược lại âm phổ mại 普 賣, viết chữ mạch 脈, hoặc viết là 脈 (mạch), cũng viết mạch 脈 đều đúng. Nay trong văn viết từ bộ nhục 月 đến bộ 永 vĩnh, viết thành chữ mạch 脈 đều chẳng phải chánh thể của chữ vẫn thường dùng.

Tâm can (心肝). Là chủ của trái tim, thuộc về hướng Nam là hỏa, màu đỏ, nên có biện luận. Ngược lại âm bạch mạn 白 慢. Thuyết Văn cho rằng là Thổ tạng là chủ nơi lười. Ngược lại âm dưới là cổ an 古 安. Theo Quế Uyển Châu Tông cho rằng: Can 肝 là chủ ở phương Đông thuộc về mộc 木. Can này hình sắc màu xanh, mà có lá. Thuyết Văn cho là thuộc kim tạng. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh can 干. Vương Thúc cho rằng: Mạch hòa với kinh gọi là can 肝, là chủ ở mắt, cho nên khi can bệnh là con mắt thấy không rõ.

Phế thận (肺腎). Ngược lại âm trên là phương phệ 芳 吠, thuộc tinh của tim, màu trắng. Thuyết Văn cho là Thuộc hỏa tạng. Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến bộ thị 市. Ngược lại âm phi vị 非 未. Vương Thúc Hòa cho rằng: Mạch kinh gọi là phế 肺, chủ nơi mũi, nên phổi bị bệnh thì mũi ngửi không thông. Ngược lại âm dưới là thần nhẫn 辰 忍. Thuộc về thủy tạng, màu đen, tạng này thuộc âm, hình sắc phối ngẫu. Ngược lại âm ngũ câu 五 苟, nên nói là hai trái thận. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến thần. Ngược lại âm khẩu thiên 口 千 thanh tỉnh 省. Vương Thúc Hòa cho rằng: Mạch kinh gọi là thận, chủ về tai, cho nên thận hư thì tai sẽ điếc. Lấy chỗ là m chủ sau này.

Tỳ đả (脾 臆). Âm trên là tỳ 毘. Là tinh của thổ, màu vàng. Thuyết Văn cho rằng: Thuộc tạng mộc. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh tỳ 卑. Không Vương Thị chú giải rằng: Mạch kinh gọi là tỳ 脾, là chủ của thần (脣) tức môi. Ngược lại âm dưới là đô cảm 都 敢. Bạch Hổ Thông cho rằng: Đổm đó thuộc phủ của can, can này chủ của lòng nhân từ, là lấy lòng nhân đó, thì phải có sức mạnh, cho nên biết phủ của can, mạch quyết gọi là đổm, nên khi đổm (mật) có bệnh, thì tinh thần không giữ được.

Phù vị (喎 脬). Ngược lại âm trên là phổ bao 普 包. Thuyết Văn cho là Phao (脬) là bàng quang, là cái túi chứa nước. Khảo Thanh cho rằng: Là niệu phao (tức là bọng đái), là túi chứa chất đại tiểu tiện. Vương Thúc Hòa cho rằng: Phao là cái túi không có đáy, thọ nhận năm thăng ba hợp, khi phao bệnh thì tiểu tiện không thông. Trong văn kinh viết chữ bào 胞 này là chẳng đúng. Chữ bào 胞 đó là bào thai, thai nhi, dựa theo đây là chẳng phải ý nghĩa của kinh. Ngược lại âm dưới là vi úy 韋 喂. Vận Anh Tập cho: Là trường vị (tức bao tử). Bạch Hổ Thông cho rằng: Vị đó là phủ của tỳ, tức là lá lách. Thuyết Văn cho là Phủ cốt (tức cái hang) chứa thức ăn. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh vị 胃 là chữ tượng hình.

Đại trường (大 腸). Ngược lại âm trừ lương 除 良. Bạch Hổ Thông cho rằng: Có đại trường, có tiểu trường đó là phủ của tâm. Đại trường là phủ của phế. Giải thích tên gọi là trường tức là phủ của chứa khí trong bụng. Xưa nay chữ đúng viết là trường 腸. Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến thanh dương 昜. Trong lục phủ, ngũ tạng có chỗ để quay về.

Thỉ niệu 屎 尿. Âm trên là thỉ 始. Tự Thư cho là phân cứt. Xưa nay chữ đúng viết là thỉ 屎 này, là vẩn thường dùng. Xưa viết thỉ 矢 này là khác thể, từ chữ vĩ 尾 tỉnh lược thanh 矢 thỉ. Ngược lại âm dưới là nê điếu 泥 俛. Thuyết Văn cho: Là chữ chánh thể. Từ chữ vĩ 尾 từ bộ thủy. Lại cho rằng: Là bộ phận tiểu tiện của con người. Khảo Thanh cho là Nước chìm trong bụng. Trong văn kinh viết niệu 尿 là vẩn thường dùng tỉnh lược bớt đi. Văn thông dụng cho là Xuất ra ở đường ruột gọi là thỉ, tức là phân cứt, xuất ra bọng đái gọi là nước tiểu.

Thế thóa 涕. Ngược lại âm trên là thiên lê 天 麗. Thuyết Văn cho là là nước mũi. Âm dịch 液 là âm diệc 亦. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Nước từ trong mũi chảy ra gọi là thế 涕, hoặc là viết 涕 洩 Thế, di, duệ, ty, bốn chữ tượng hình đều đồng nghĩa. Ngược lại âm dưới là thổ khóa. Thuyết Văn cho là Nước dãi trong miệng. Chữ viết từ bộ khẩu 口 đến chữ thóa thanh tỉnh 省. Hoặc là viết từ bộ thủy viết thành chữ thóa

này cũng thông dụng.

Diên lệ 涎淚. Ngược lại âm trên là 仙 tộ tiên. Thuyết Văn cho là Cũng là nước dãi trong miệng. Ngược lại âm dưới là 呂 trụy 呂. Quảng Nhã cho rằng: Khóc ra nước mắt. Thuyết Văn cho là Nước mắt, nước mũi.

Đàm nùng 痰膿. Ngược lại âm đồ nam 徒南. Theo Tự Thư cho là Bệnh nên trong ngực có đàm. Trong văn kinh viết từ bộ thủy, viết chữ đàm 淡 này, chữ này nghĩa là không có mùi vị gì, lạt lẻo, lại là thanh khí. Ngược lại âm dưới là nô công 奴工. Thuyết Văn cho là Bệnh ung thư nên máu mủ chảy ra. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh nông 農. Trong kinh viết chữ đạm 淡 này là chẳng phải nghĩa của kinh.

Phương san 肪珊. Âm trên là phương 方, âm dưới là tảng 桑 an 安. Thuyết Văn cho rằng: Phương 肪 là chất mỡ béo phì. Vận Anh Tập cho rằng: Mỡ tụ lại. Quảng Nhã, Thương Hiệt cho rằng: Chất mỡ đông lại. Tự Ngữ cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh san. Văn thông dụng cho rằng: Ở trong eo bụng có mỡ gọi là phương 肪, ở trong bao tử có mỡ gọi là san.

Não mạc (腦膜). Ngược lại âm trên là nãi đảo 乃倒. Thuyết Văn cho là Tủy trong đầu. Văn cổ viết não, hoặc là viết não 腦, lại viết não, não 惱 đều sai. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ 肉 nhục thanh não. Ngược lại âm dưới là 忙 博 mang bác. Thuyết Văn cho là cái màng giữa cái đầu. Chữ tóm lại cho rằng: Da ngoài trong thịt gọi là mạc 膜. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh mạc 莫.

Si ninh (眇寧) Ngược lại âm trên xích chi 尺支. Vận Thuyên Tập cho rằng: Nước ngưng đọng trong mắt. Trong văn kinh viết tuy. Kiểm lại tất cả các chữ trong sách đều không có chữ này, chữ tuy này chưa biết xuất xứ từ đâu không rõ. Bởi vậy người sau này xuất ý mà quên đi viết bộ nhĩ 耳. Thuyết Văn cho là Chữ 眇 si viết từ bộ 目 mục đến chữ di thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là ninh đỉnh 寧頂. Vận Anh Tập cho rằng: Cũng viết ba chữ ninh tượng hình, đều có nghĩa là tai bị dơ.

Đạm phách 膽珀 Ngược lại âm trên là đồ lã 徒濫. Âm dưới là 魄 phách. Vận Anh Tập cho rằng: Đạm phách là yên tịnh. Trong văn kinh cho rằng: Đạm phách là lộ ra chỗ nhân tĩnh, đều từ bộ tâm 心 âm Đạm. Âm chiêm 占 đến thanh bạch 白.

Điều thứu 鶡鷲. Ngược lại âm trên là đình diêu 丁遙, âm dưới là 就 tự. Thuyết Văn cho là là giống diêu hâu, giống như con ó, cánh dài hơn hai thước, lưng nâu đen, bụng trắng, chân dài, đầu có mào, bay lượn trên biển bắt cá ăn. Âm ngạc. Là loại chim ó. Quảng Nhã cho rằng: Con

điều hâu. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: Cảnh sắc trên núi phần nhiều là có loài chim điều hâu này. Tỳ Thương cho rằng: Chim Thấu giống như chim điều hâu mà thân nó lớn hơn, thường ăn thịt thây chết, người ta cho là con chim quái lạ.

Si kiêu 鴟梟. Ngược lại âm trên là xương chi 昌之 âm duyên 緣 là loại chim điều hâu. Ngược lại âm dưới là 擊姚 kích diêu. Trịnh Huyền, chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Kiêu (梟) là giống chim hung ác. Văn cho là là loài chim bất hiếu, là ăn thịt mẹ.

Hổ báo 虎豹. Ngược lại âm trên là hô cổ 呼古. Thuyết Văn cho là Hổ là loài cầm thú ở trên núi sống có bảy. Ngược lại âm dưới là bổ giáo 補教. Con báo giống như con hổ mà nhỏ hơn, thân tròn, có đốm đen, có vằn, giống như hổ.

Hồ lang (狐狼). Âm trên là hồ 胡. Thuyết Văn cho là là con yêu thú, giống như con quỷ. Chỗ thừa nhận là có ba đức đức dưới đây, âm tức 卽. Thuyết Văn cho rằng: Đầu giống như đầu chó, trên trán có đốm trắng, thân màu trắng, nên nói là điềm là nh.

Hoặc trác (或啄). Ngược lại âm đinh giác 丁角. Thuyết Văn cho là Chim đang ăn. Quảng Nhã cho rằng: Cái mỏ chim. niết ngược lại âm nghệ kiết 覓絜.

Hoặc quốc 或國. Ngược lại âm câu bê 俱籠, âm dưới là 五約 ngũ ước. Theo Tự Thư cho rằng: Âm quặc bác 攖搏 là âm bác 博. Theo Văn Tự Âm Nghĩa cho rằng: Là chim cùng, mỏ nó giống con cùng thú vồ bắt mồi. Âm quặc 攖 ngược lại âm 俱 夔 câu lâu. Cái móng vuốt năm giữ gọi là bác. Lại âm cư bích 居碧 cũng thông dụng.

Tra xiết 楂掣. Ngược lại âm trên là trác da 側耶. Quảng Nhã cho rằng: Tra là nắm giữ lấy. Lại cho rằng: Tra đâm vào, hoặc là viết tra. Ngược lại âm dưới là xích chế 尺制. Vận Anh Tập cho là Đánh, lôi kéo.

Hội lan (潰爛). Ngược lại âm hoàng ngoại 黃外. Thuyết Văn cho rằng: Hội là rỉ nước. Vận Anh Tập cho là Tan vỡ, quân thua trận chạy tán loạn. Ngược lại âm dưới là lặc đán 勒旦. Phương Ngôn cho rằng: Nấu thức ăn chín như gọi là lan 爛.

Trùng thư 蟲咀. Ngược lại âm trên trục dung 逐融. Nhĩ Nhã cho rằng: Có chân gọi là trùng. Nay trong văn kinh viết chữ trùng 虫 là lược bớt. Ngược lại âm dưới là thất dư 七余. Tự Thư cho là Con ruồi, con nhặng. Âm dăng 蠅 ngược lại âm dĩ chưng 以烝. Loài sâu có vú. Thuyết Văn cho là Chữ thư, từ bộ nhục 肉 thanh thư.

Hủ nhục 腐肉. Ngược lại âm phò phủ 扶甫. Khảo Thanh cho là

Thịt đã rửa ra, thối rửa. Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh phủ 府.

Cốt tỏa 骨瑣. Ngược lại âm tô quả 蘇果. Quảng Nhã cho rằng: Tỏa là liên kết với nhau, nghĩa là các lóng xương câu móc liên kết lại với nhau. Tóm lại cho rằng: Tỏa là liên kết thành vòng tròn. Thuyết Văn nói cho là Chữ viết từ bộ vương 王 thanh tỏa. Ngược lại âm tô quả 蘇果. Trong kinh có viết từ bộ tỏa 瑣 viết chữ tỏa 噴, hoặc là chữ tỏa đều chẳng phải.

Khoan cốt 髑骨, âm khoan 寬. Bì Thương cho rằng: Khoan là cái mong dít. Ngược lại âm khổ cao 苦高. Thuyết Văn cho là Xương bắp đùi trên. Chữ viết từ bộ cốt 骨 thanh khoan 寬.

Hiếp cốt 脅骨. Ngược lại âm trên là 虛業 hư nghiệp, hoặc là viết 脅 hiếp này cũng đồng nghĩa. Thuyết Văn cho là xương hai bên bụng, là xương sườn. Chữ viết từ ba bộ 力 lực.

Bác cốt 膊骨. Ngược lại âm 補各 bổ các. Thuyết Văn cho là Xương bả vai. Chữ viết từ bộ cốt 骨 thanh bác. Ngược lại âm phương vô 芳無. Trong văn kinh có viết từ bộ 肉 nhục, viết thành chữ 膊 bác, ngược lại âm 普各 phổ các, đều là chẳng phải chữ.

Hàm cốt 頷骨. Ngược lại âm 胡感 hồ cảm. Tiếng địa phương cho rằng: Hàm là xương gò má. Quách Phác cho rằng: Hàm là đòn áp hai bên xe.

Độc lâu 髑髏. Âm trên là 獨 độc, âm dưới là 婁 lâu. Thuyết Văn cho là Độc lâu là xương đánh đầu. Tỳ Thương cho rằng: Xương đầu. Tư Thư cho rằng: Não che đậy, hoặc là viết 髑髏 độc lâu, hoặc gọi là 頭顱 đầu lô, hoặc gọi là thác 飢. Ngược lại âm 徒各 đồ các. Âm 顱 lô là âm 盧 lô, đều là một nghĩa, cũng do nơi nước Sở, nước Hạ mà độc âm riêng biệt có nặng có nhẹ, mà sai đi lần lần.

Nhật bạo 日暴. Ngược lại âm 蒲胃 bồ vị. Vận Anh Tập cho rằng: Phơi, hong cho khô ráo dưới nắng mặt trời, Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 日 nhật đến bộ 出 xuất, đến bộ 大 đại, âm 代 đại, từ chữ 米 mẽ. Chữ hội ý. Trong văn kinh viết từ bộ 田 điền đến bộ 恭 cung là chẳng đúng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 415

Kế đây lại là âm bốn mươi ba chữ Phạm. Trong kinh trước, quyển năm mươi ba, tuy rằng đã lược, nói là không sửa đổi thể chữ trong kinh. Nay sửa đổi văn xưa, lấy theo văn phiên dịch mới đúng. Trong kinh vốn có chú giải đầy đủ, người trí khéo xem xét mà hiểu rõ. Trong kinh sau này người viết theo bốn mới.

Nhập tự 入衰字. Ngược lại âm 烏可 ô khả.

La tự 囉字. Chữ 囉 la, thượng thanh, bao gồm đọc là đàn cái lưỡi lên, nên tức là như. Trong kinh ghi sót lại nên chữ không tương đương, là chẳng đùng.

Bá tự 跛字. Ngược lại âm 波可 ba khả, âm đúng tương đương.

Tả tự 左字. Ngược lại âm 咸可 hàm khả. Chữ trong kinh sách người viết không đúng âm chữ.

Năng tự 曩字. Ngược lại âm 褒朗 bao lãng. Đọc bao gồm âm mũi. Trong kinh đọc là 娜 nã không tương đương.

Khả tự 𪛗字. Ngược lại âm 勒可 lặc khả, âm đúng là như.

Nã tự 娜字. Ngược lại âm 那可. Chữ trong kinh là 陀 đà, không tương xứng với chữ 娜 là đúng.

Ma tự 麼字. Ngược lại âm 莫可 mạc khả. Chữ trong kinh là chữ bà 婆, không tương đương nên sửa lại.

Như tự 絮字. Ngược lại âm 奴雅 nô nhã. Trong kinh là 茶 trà, là chẳng đúng.

Kiều uest 矯穢. Hai chữ này chẳng phải chữ Phạm. Ngược lại âm trên là 居天 cư yêu, viết đúng là chữ 矯 kiêu này. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Kiêu 矯 là dối trá lừa gạt. Chữ trong sách viết 矯 kiêu này, nghĩa là đùa nghịch, chơi đùa, trêu chọc. Trong văn kinh lại viết chữ 矯 kiêu này là văn thường dùng. Ngược lại âm dưới là 洿 衛 ô vệ. Âm ô ngược lại âm ư vũ 於雨. Vận Anh Tập cho rằng: Uế穢 là xấu ác, dơ uest. Khảo Thanh cho rằng: Hoang đường.

Sa tự 沙字. Lấy thượng thanh là đúng. Chữ trong sách là 灑 sái, cũng được, âm tương đương.

Phược tự 縛字. Ngược lại âm 無可 vô khả. Chữ sau này là ch-uẩn.

Đa tự 哆字. Ngược lại âm 多可 đa khả. Chữ đúng âm Phạm là 著 trước.

Dã tự 野字. Chữ dã này là đúng, tương đương với âm Phạm.

Sắc lãng tự 瑟綾字. Hai âm hiệp một, âm trên là 所乙 sở ất. Ngược lại âm dưới là 摘賈 trích giả. Hai chữ hiệp lại là m một tranh đọc. Trong kinh viết 瑟吒 sất trá, hai âm hiệp một, xưa dùng cũng thông.

Ca tự 迦字. Ngược lại âm cư khứ 居 厶. Thượng thanh, và các chữ trong sách đều không có âm chữ này, lấy đây nên xem xét lại là đúng.

Sa tự 娑字. Lấy thượng thanh đọc âm là đúng. Ngược lại âm 桑可 tằng khả.

Ma tự 麼字. Ngược lại âm mạc khả 莫可 gồm có âm mũi, có hơi khác với chữ trước.

Nga tự 字. Ngược lại âm ngư khứ 魚 厶. Đọc thượng thanh, và chữ trong kinh sách là da, đọc rất nặng.

Tha tự 他字. Đọc lấy thượng thanh. Ngược lại âm 他可 tha khả.

Nhạ tự 惹字. Ngược lại âm 慈珂勒可 từ khả lặc khả. Chữ trong kinh viết là xà, âm xa, không liên quan.

Thấp phước 溼縛 hai âm hiệp lại là m một 字 tự. Ngược lại âm 尸入 thi nhập, âm dưới là 無可 vô khả, hai chữ hợp lại là m một thanh đọc.

Đà tự 馱字. Ngược lại âm 徒駕 đồ giá. Trong kinh viết là 達 đạt, cũng hơi đúng, mà khác.

Xả tự 捨字. Ngược lại âm 尸也 thi dã. Đồng với Phạm âm.

Khư tự 厶字, lấy đọc thượng thanh, tức là đúng.

Khất sai tự 乞灑字, hai âm hiệp một, hai chữ này hiệp là m một thanh. Trong kinh sách các chữ thanh chuyển đọc lần lần ra.

Tát đa tự 薩哆字, hai chữ hiệp một 字 tự. Ngược lại âm dưới là 可 đa khả, hai chữ hiệp lại thành một thanh đọc.

Cát nương tự 吉娘字, hai âm hiệp một, hai chữ hiệp lại thành một thanh đọc. Trong kinh sách chữ 若 nhược là sai lược không đúng.

La tha tự 囉他字, hai chữ hiệp một 字 thanh. Trong kinh sách viết chữ 若 nhược là sai, lược, không đúng.

La tha tự 囉他字, hai âm hiệp một, chữ trên là 羅 thượng thanh, bao gồm chuyển lưỡi đọc, cùng với chữ 他 tha, hợp thành một thanh, tức là đúng. Trong văn kinh viết là la. Ngược lại âm 盧割 lô cát. Chữ 刺他 lạt tha, thanh này lớn nhưng cũng đồng.

Hạ tự 賀字. Ngược lại âm 胡固 hồ cố. Trong kinh viết 呵 ha, quá nhẹ, bốn tiếng Phạm không có chữ chữ này.

Bà tự 婆字. Ngược lại âm 婆賀 bà hạ. Trong văn kinh viết chữ 薄 bạc, thật rất là không đúng.

Sa tự 𪛗. Ngược lại âm 𪛗可 sa khả. Tức là chữ 𪛗 sa thượng thanh. Trong kinh viết chữ xước 𪛗, ngược lại âm 處藥 xứ dược, không đúng.

Táp ma tự 𪛗𪛗字, hai âm hiệp 字. Hai chữ hợp lại là m một thanh, bao gồm âm mũi. Trong kinh viết táp ma 𪛗𪛗. Truyền nhay viết sai.

Hạp phục tự 𪛗, hai âm hiệp lại 字, âm trên là 合 hợp. Ngược lại âm dưới là 無可 vô khả, hai chữ hiệp lại thành một thanh đọc.

Đa sa tự 𪛗𪛗字, hai âm hiệp lại đọc là 字. Ngược lại âm trên 多可 đa khả. Âm dưới 𪛗可 sa khả, hai chữ hiệp lại thành một thanh. Trong kinh viết sa, thanh này không đủ.

Già tự 𪛗字. Lấy khứ thanh, đúng âm Phạm tương đương.

Thác tự 𪛗字. Lấy thượng thanh. Ngược lại âm 勒賈 lặc giá. Trong văn kinh viết sủy, ngược lại âm 勒皆 lặc giai, rất quái lạ, chữ không tương đương.

Nã tự 𪛗字. Ngược lại âm 奴雅 nô nhã, bao gồm âm mũi, có khác với chữ 𪛗 như trước. Trong kinh viết chữ 𪛗 như, nên lấy thượng thanh.

Pha tự 𪛗字. Ngược lại âm trên là 普我 phổ ngã. Âm đúng tương đương bốn âm Phạm.

Tắc ca 𪛗𪛗, hai âm hợp, tự 字. Âm dưới là 𪛗 ca. Ngược lại âm 居 厶 cư khứ. Lấy thượng thanh, hai âm hợp lại đọc một thanh.

Duệ sa 𪛗𪛗, hai âm hợp, tự 字. Ngược lại âm trên là 延𪛗 diên kiết, âm dưới là chữ 𪛗 sa, lấy thượng thanh, hai chữ hợp lại đọc thành một thanh.

Thất giả 𪛗𪛗, hai âm hợp, tự 字. Hai chữ hợp thành một thanh. Trong kinh viết là 𪛗 chước.

Lăng tự 𪛗字. Ngược lại âm 竹賈 trúc giá. Trong kinh viết chữ thác, nên lấy thượng thanh.

Trà tự 𪛗字. Lấy thượng thanh, ngược lại âm 宅賈 thác giả. Trong kinh viết là 𪛗 trạch, sai không tương đương.

Như trên các chữ sửa đổi trong sách, rất đích đáng, tuy đã xem qua, nhưng xét lại cho rõ âm chú thích nơi bốn thanh lấy rất nhỏ, và hãy xem lại, tức là đọc ngược là bốn tiếng Phạm. Về sau, trong quyển một trăm chín mươi, lại nói về bốn mươi ba chữ Phạm, không khác với đây.

Bất tuần 不徇. Ngược lại âm 旬後 tuần hậu. Khảo Thanh cho rằng: Tuần 徇 là cầu. Vận Anh Tập cho là Lấy thân theo vật gọi là 徇 tuần. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ xước. Ngược lại là âm 丑尺 sửu xích. Đến chữ quân 勻 ngược lại âm 聿均 duật quân. Trong văn kinh

viết từ bộ 人 nhân đến bộ 旬 tuần là chẳng phải.

A luyện nhã 阿練雅. Hoặc gọi là 阿蘭雅 A lan nhã. Hoặc gọi là 阿蘭那 A lan na, hoặc cũng gọi là 蘭雅 Lan nhã, đều là âm Phạm chuyển đọc sai. Đúng Tiếng phạm nên gọi là 阿蘭 A-lan, chuyển cong lưỡi lên lấy thượng thanh, tùy theo địa phương này, dịch nghĩa là Chỗ vắng lặng, hoặc gọi là chỗ vô tranh, nhưng chỗ ở chẳng phải một nơi, hoặc trụ ở, vùng sa mạc, núi, rừng, nơi hoang dã, hoặc ở giữa đất trũng thấp, nơi rừng vắng lạnh lẽo, hoặc là ở bãi tha ma, là rất xa nơi tụ hội đông đúc, xóm làng, nhà cửa, chỗ huyên náo, chỗ nuôi gia súc, bò, chim, chó. Phải ở chỗ thanh vắng yên tịnh cái tâm, để tu tập thiền định.

Ngạo mạn 傲慢. Ngược lại âm trên là 我告 ngã cáo. Khảo Thanh cho là Kiêu cứ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện cho là Không cung kính. Quảng Nhã cho là Mạn, lơ đãng, phóng đảng. Hoặc là viết 媿 bề, nghĩa là là m trò bỡn cợt.

Thu thích 秋感. Ngược lại âm dưới là 青幘 thanh trách. Đúng viết là 感 thích. Luận Ngữ cho rằng: Kẻ tiểu nhân buồn lo lâu dài, gọi là 感 thích. Trịnh Huyền cho rằng: Thích là lo buồn nhiều ưu tư sợ hãi. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Thích là đau khổ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Thích là buồn bã. Thuyết Văn cho rằng: Chữ thích viết từ bộ 戔 viết (âm 越 viết), đến bộ 心 tâm, đến bộ 宋 tổng thanh 省 tỉnh. Âm 宋 là âm 寂 tịch.

Kiêu cống 矯誑. Ngược lại âm trên là 居夭 cư yêu. Kiêu nghĩa là dối trá không chân thật. Chữ đúng viết từ bộ 夭 yêu viết thành chữ 矯 kiêu. Trong kinh viết từ bộ 右 hữu viết thành chữ 矯 kiêu, văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là 俱況 câu hướng. Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Chữ 誑 cống cũng giống như chữ 惑 hoặc, nịnh hót, mê hoặc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cống là khinh khi. Theo Thanh Loại: Hoặc là viết chữ cống này là chữ cổ.

Huyên tạp 諠雜. Ngược lại âm 虛衰 hư viên. Theo Thanh Loại cho rằng: Ôn ào, âm ỉ, lừa dối, quên. Chữ viết đúng là 諷 huyên. Trong văn kinh viết 喧 huyên, cũng là văn thường hay dùng.

Bách trách 迫迮. Ngược lại âm trên là 伯補 格 bá bộ cách. Ngọc Thiên cho rằng: Bách cũng giống như chữ 逼 bức, nghĩa là bức bách. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Bách là gần sát bên cạnh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Bách là gần. Quảng Nhã cho rằng: Bách là chật hẹp, cấp bách. Hoặc là viết bách 佰 chữ cổ. Xem lại Thanh Loại. Ngược lại âm dưới là 阻 格 trở cách. Theo Thanh Loại cho rằng: 迮 trách là bách mau

chóng ép bức. Thuyết Văn cho là Thiểu, khuyết. Hoặc là viết 窄 trách, nghĩa là chật hẹp, nhà nhỏ chật hẹp. Tỳ Thương cho rằng: 窄 trách, hoặc là viết hai chữ trách tượng hình này nghĩa là rượu đã đủ rồi, đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tài nhất 纒 一. Ngược lại âm 在 裁 tại tài. Khảo Thanh cho rằng: Tài là đi qua đi lại, hoặc là viết 裁 tài. Trong kinh viết chữ 纒 tài, cũng là văn thường dùng. Thuyết Văn cho là Viết chữ 才 tài.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 416

Đổ đa 杜多. Tiếng Phạm, cũng gọi là 頭陀 đầu đà. Hán dịch là 斗數 đầu tẩu, nghĩa là tu hạnh viễn ly, có mười hai thứ. Âm nghĩa quyển 53 đã giải thích đầy đủ.

Tu phát 鬚髮. Ngược lại âm trên là 相瑜 tương du. Vốn viết chữ 須 tu này. Nay văn thường dùng viết từ bộ thủy viết 須 tu này là chẳng đúng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ cho rằng: 須 Tu đó là phần đầu dưới là râu tóc. Thuyết Văn cho rằng: Trên mặt có lông. Xưa nay chữ đúng viết từ bộ 髟 tiêu viết thành chữ 鬚 tu là chánh thể. Ngược lại âm dưới là 番襪 phan miệt. Tỳ Thư cho rằng: Phát 髮 là lông tóc trên đánh đầu. Vận Anh Tập cho rằng: Âm phát là lông tóc, hoặc là viết hai chữ 髮髮 phát này đều là chữ cổ. Chữ 髮 phát Thuyết Văn cho là Phát là lông tóc trên đầu, chữ viết từ bộ 髟 tiêu thanh phát.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 417

Vô biến vô dị 無變無易. Ngược lại âm trên là 無 vô, âm dưới là 亦 diệc. Văn sau đây có biến đổi, có khác, y cứ âm này.

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 418**

Bích lục 碧綠. Ngược lại âm 兵戟 binh kích. Quảng Nhã cho rằng: Viên ngọc màu trắng xanh. Thuyết Văn cho là Viên đá đẹp. Cho nên chữ viết từ bộ 玉 ngọc đến bộ 石 thạch thành 白 bạch. Ngược lại âm dưới là 力足 lực túc. Thuyết Văn cho là Màu trắng xanh, hoặc là viết 碌 lục, là loại đá màu xanh lục. Lại viết lục này là chữ cổ.

Phiêu đẳng 飄等. Ngược lại âm 失僂 thất nhiêu. Thuyết Văn cho rằng: Phiêu 飄 là lục màu trắng, nhuộm thành màu xanh, màu vàng. Vận Tập Đồi Đường cũng gọi là vãi lụa màu xanh, vàng.

(Quyển 419 đến quyển 423, gồm năm quyển, đều không có âm để giải thích.)

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 424**

Cực bộc 極爆. Ngược lại âm bố giáo. Thuyết Văn cho rằng: Bộc là hun đốt. Quảng Nhã cho rằng: Hơi nóng dữ dội. Nhĩ Nhã cho là Bộc là rơi xuống. Khảo Thanh cho là Thiêu đốt củi phát ra tiếng nổ dữ dội. Vận Anh Tập cho rằng: Tiếng nổ. Âm trắc, ngược lại âm 陟嫁 trắc giá. Vận Thuyên Tập cho rằng: Tiếng nổ là m nứt ra. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hỏa thành 暴 bộc.

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 425**

Như ung 如癰. Ngược lại âm 擁恭 ung cung. Trang Tử cho là Ung thư, bệnh ghẻ lở, vết thương đã loét ra. Tư Mã Bưu cho là Nóng nổi lên đỏ là m ung thư, không thông là m ung thư. Thuyết Văn cho rằng: Ung là m sưng lên. Chữ viết từ bộ tật, âm tật ngược lại âm 女厄 nữ ách, thanh ung.

Thiệt tác 竊作. Ngược lại âm 千愒 thiên kiệt. Trịnh Huyền cho rằng: Chữ 竊 thiết cũng giống như chữ thâu, nghĩa là ăn trộm. Khảo

Thanh cho là lấy là m của riêng, trộm chút ít.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 426

Ca đa diễn na 迦多衍那. Tiếng Phạm là 阿羅漢 A-la-hán. Xưa dịch là 迦旃延 Ca chiên diên.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 427

Yểm nê 掩泥. Ngược lại âm 於檢 ư kiếm, hoặc viết là yểm. Tự Thư cho rằng: Yểm là che giấu, ẩn giấu, che đậy. Thuyết Văn cho rằng: Yểm là thu lại, co rút lại. Vận Anh Tập cho rằng: Yểm là che đậy.

Cố mạng 顧命. Ngược lại âm 光戶 quang hộ. Theo Mao Thi Truyện cho là Cố là xem xét chung quanh cho chu đáo. Trịnh Huyền cho rằng: Nhĩn mãi. Quảng Nhã cho rằng: Cố là hướng theo. Thuyết Văn cho là Quan tâm, chiếu cố. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cố là nhìn quay lại, quay lại nhìn, quay lại nhìn xem xét thân mình. Chữ 顧 cố sách Thượng Thư chú giải rằng: Khi trở thành vua, là phải xem xét thân mạng mình cũng viết chữ 顧 cố là vẫn thường hay dùng.

Bình qua 兵戈. Ngược lại âm cổ hòa. Thuyết Văn cho là Cây kích đầu bằng. Vận Anh Tập cho rằng: Cây kích mâu đầu cong móc câu.

Liêu tá 僚佐 tá. Ngược lại âm trên là 力礪 lực điêu. Khổng An Quốc chú giải rằng: Liêu là là m quan. Nhĩ Nhã cho rằng cũng đồng trong Tả Truyện: Là m quan là một người đầy tớ, lại gọi là đồng là m quan gọi là 僚 liêu. Lại viết 𦉑察察 ba chữ liêu, âm 采 thái. Ngược lại âm dưới là 子齒 tử cố. Theo sách Chu Lễ cho rằng: Các nước đều dùng người phò tá vua. Trịnh Huyền cho rằng: Tá 佐 là trợ giúp. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Khi vua xuất chinh, dùng người phò tá vua là .

Cam giá 甘蔗. Ngược lại âm 支夜 chi dạ, âm sau y cứ theo đây.

Lô vi 蘆葦. Ngược lại âm trên là 盧 lô, âm dưới là 于鬼 vu quĩ. Lô vi là một loại mía, cũng là loại lau sậy, giống như trúc, tre, mọc trong rừng, loại mía ma v.v... Trong kinh lấy là m ví dụ số nhiều, đều là

ví như lau, sậy, lúa ma v.v...

Vi cự 韋拒. Ngược lại âm trên là 羽危 vũ nguy. Trong văn kinh viết 違 vi là văn thường dùng. Người sau vốn viết chữ 韋 vi này cộng thêm ba bộ 辵 xước. Ngược lại âm 丑略 sũu lược. Nghĩa là là m trái lại trên dưới, trong ngoài, là m cho xáo trộn khổ sở. Âm 困 khốn thanh 韋 vi. Ngược lại âm dưới là 渠吾 cự ngô. Thuyết Văn cho rằng: Cự 拒 là chống lại. Ngược lại âm 麼浪 ma lãng. Quảng Nhã cho rằng: Cự là chống giữ, âm 捍 hãn, ngược lại âm 何旦 hà đán. Vận Anh Tập cho rằng: Tìm cách chống cự lại trên. Vận Anh Tập cho rằng: Cự là trái lại, là m ngược lại.

Mạc kỳ 莫耆. Là tiếng Phạm, nghĩa là có thể trừ bỏ đi thần thuốc độc được, cũng gọi là công lực thần thuốc độc. Như trong kinh tự nói rằng: Như trong nước này Lãnh Nam Trần Gia giải độc, loại bạch được, hoàng được, hắc được.

Độc trùng 毒蟲. Ngược lại âm 逐融 trực dung. Chữ đúng thể. Trong văn kinh viết 虫 trùng này là văn thường hay dùng, tỉnh lược bớt đi.

Thích cảm 螫澈. Ngược lại âm trên là 舒亦 thư diệc, âm dưới là 訶各 ha các, hai âm đều thông dụng.

Uy tức 威肅. Ngược lại âm. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Túc là hàng rào ngăn cấm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Túc là cung kính. Vận Anh Tập cho rằng: Túc là cung. Khảo Thanh cho rằng: Túc là sợ hãi, kinh sợ. Ngược lại âm 息勇 tức dũng, kinh sợ, cung kính. Theo Tự Thư cho là Nghiêm chính. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 韋 duật. Ngược lại âm 女輒 nữ triếp, viết ở trong tường phiêu, âm uyên, âm là chiến chiến, cạnh cạnh, âm uyên là âm 淵 uyên.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 428

Cổ đạo 蠱道. Ngược lại âm trên là 古 cổ. Lại âm 野或 dã hoặc, gọi là dã đạo. Trong quyển một trăm lẻ hai trước đã giải thích đầy đủ.

Quý mi 鬼魅. Âm dưới 眉秘 mi bí. Quyển một trăm lẻ hai ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Yếm đảo 俺禱. Ngược lại âm trên là 伊琰 y diễm. Âm dưới là 當者 đương giã. Quyển một trăm lẻ hai trước đã giải thích đầy đủ.

Hương nang 香炷 Âm trên là 香 hương, là chữ chánh thể. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tất 黍, đến bộ 甘 cam. Ngược lại âm dưới là 諾 當 nặc đương: dụng cụ đốt hương. Chữ chánh xưa nay cho rằng: Có đậy gọi là cái túi, không đậy gọi là 囊 nang. Chữ viết từ chữ nang thanh 省 tỉnh.

Thiệm bộ châu 贍部洲. Ngược lại âm 常 炤 thường diễm. Tiếng Phạm, là tên gọi chung đại địa (quả địa cầu). Bởi vì nhân kim, nhân thọ mà đặt tên này.

Tốt đồ ba 翠堵波. Là Tiếng Phạm, ngược lại âm trên là 蘇 骨 tô cốt, âm dưới là 睹 睹. Đây gọi là cao hiển bày ra, tức là ngôi tháp Phù Đồ v.v...

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 429

Phiêu nịch 漂溺. Ngược lại âm 匹 遙 thất diêu. Thuyết Văn cho rằng: 漂 Phiêu là nổi lên. Quảng Nhã cho là Phiêu là bọt nước. Ngược lại âm 篇 蔑 thiên miệt. Ngược lại âm dưới là 泥 的 nê đích. Thuyết Văn cho là Nịch là chìm xuống, hoặc là viết nịch, là chữ cổ.

Khiển phạt 譴罰. Ngược lại âm trên là 企 見 xí kiến. Quảng Nhã cho rằng: Khiển là trách. Thuyết Văn cho rằng: Khiển là chỉ trích, tra hỏi. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khiển là la rầy. Quế Uyển Châu Tông cho rằng: Khiển là phẫn nộ, giận dữ. Ngược lại âm dưới là 煩 罰 phiền phạt. Phạt nghĩa là quở trách.

Đồ quái 屠膾. Ngược lại âm trên là 唐 胡 đường hồ. Thuyết Văn cho là Đồ 屠 là mổ banh ra. Ngược lại âm 枯 枯 khô, nghĩa là cắt ra, phanh ra. Khảo Thanh cho rằng: Phán ra cắt ra, dùng dao cắt thịt con vật hy sinh gọi là đồ 屠. Ngược lại âm dưới là 古 外 cổ ngoại. Quảng Nhã cho rằng: Quái là cắt lìa ra. Tự Thư cho rằng: Là xắt thịt mỏng ra.

Bổ yết sa 補羯娑. Ngược lại âm trên là 博 母 bác mẫu. Kế là âm 居 謁 cư yết, âm dưới là 桑 何 tằng hà. Tiếng Phạm, đây dịch là biên địa, là vùng xa xôi hẻo lánh, là hạ tiện loại người không tin nhân quả, sát sanh, trộm cướp, ái lại, tà kiến.

Thủ Đạt La 戍達羅. Là tiếng Phạm, hoặc gọi là 首 陀 羅 Thủ-đà-la, hoặc là gọi 首 陀 Thủ Đà. Đều là âm Phạm chuyển đọc sai, lược. Gọi đúng là người cày ruộng, trồng trọt, là nghề trong bốn họ của Bà La

Môn, là nghề thấp hèn nhất.

Mậu dịch 貿易. Trong kinh viết 貿 mậu, là văn thường dùng. Ngược lại âm 莫候 mạc hậu. Khảo Thanh cho rằng: Đổi tài vật gọi là 貿 mậu, nghĩa là mua bán đổi chác.

Tự cầu 伺求. Ngược lại âm trên là 司恣 ty tứ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tự 伺 là chính xác. Vận Anh Tập cho rằng: Tự là hầu hạ, cũng gọi là chính xác được hay mất.

Bột ác 勃惡. Ngược lại âm 蒲沒 bồ một. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bột 勃 là nghịch lại. Thuyết Văn cho rằng: Bột là loạn, là m loạn lên. Ngược lại âm dưới là 阿各 a các. Thuyết Văn cho rằng: Quá ác. Chữ viết từ bộ 心 tâm thanh 亞 á. Trong văn kinh nhiều khi viết từ bộ 西 tây viết thành chữ 惡 ác này, cũng là văn thường dùng.

Lật niếp tử chủng 栗聶 仳種. Ngược lại âm trên là 齒葉 xỉ diệp, âm dưới là 婢夷 tỳ di. Xưa tên là chủng loại thuộc tên là Lợi xa tỳ đồng tử, Sát đế lợi vương, là quyến thuộc Đào tộc, chủng đệ tử của Phật.

Khiếp bố 怯佈. Ngược lại âm trên là 匡業 khuông nghiệp, hoặc viết chữ khiếp này. Thuyết Văn cho rằng: Lo sợ nhiều. Sách Lễ Ký cho rằng: Người đồng mãnh lo sợ khổ. Ngọc Thiên cho là Lo sợ thua kém, lo sợ mất đi. Ngược lại âm dưới là 普布 phổ bố, hoặc viết bố này. Quảng Nhã cho rằng: 怖 bố cũng là sợ hãi, lo sợ. Khảo Thanh cho rằng: Bố cứ là sợ theo. Ngược lại âm cự ngư, nghĩa là quá khiếp sợ. Chữ viết đúng là chữ 遽 cứ này. Thuyết Văn cho rằng: Lo sợ giống như bị khủng hoảng tinh thần. Chữ viết từ bộ 心 tâm thanh 布 bố.

Phước hữu 福祐. Ngược lại âm 尤救 vưu cứu. Theo sách Chu dịch cho rằng: Phước từ trời ban cho. Khổng Tử cho rằng: Hậu 祐 là giúp đỡ. Khảo Thanh cho rằng: Phước được giúp đỡ hoặc viết 佑 hữu này, xưa viết hữu 佑 đều đồng nghĩa.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 430

Phân phức 芬馥. Ngược lại âm 芳文 phương văn. Trịnh Huyền chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Phân 芬 là hương thơm. Phương Ngôn cho rằng: Phân là hương hòa theo. Quách Phác cho rằng: Hương thơm mà hòa điệu theo gọi là 芬 phân. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ

bộ 𠂔 triệt thanh phân. Ngược lại âm dưới là 為 目 vi mục. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Phúc 馥 là khí thơm.

Đồ trị 塗 治. Ngược lại âm trì ly. Nghĩa là sửa đổi, tu sửa.

Phan đạt 幡 鐸. Ngược lại âm 唐 洛 đường lạc, giống như là cái chuông, mà bên trong có lưỡi. Theo chữ đạt nghĩa là cái linh lớn gọi là 鐸 đạt.

Kỹ nhạc 妓 樂. Ngược lại âm 渠 綺 cừ ỷ, hoặc là viết 技 kỹ này, nghĩa là người thơi khéo léo, hoặc là viết chữ 伎 kỹ này, tức là kỹ nghệ. Theo Tự Thư cho rằng: Người con gái biết đàn hát. Chữ viết từ bộ 女 nữ viết thành chữ 妓 kỹ. Trong văn kinh viết từ bộ 人 nhân, hoặc viết từ bộ 扌 thủ, đều chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là 五角 ngũ giác.

Biên鄙 邊鄙. Ngược lại âm 悲 美 bi mỹ. Theo sách Sử Ký cho rằng: Bĩ lậu, xấu ác. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bĩ là nơi biên giới gọi là biên ấp đó là ngoài hoang dã xa nơi kinh đô của nước, gọi là bĩ lậu, nghĩa là người hèn hạ, thấp kém, không thông đạt thi, thơ, lễ, nhạc, gọi là bĩ phu. Thuyết Văn cho rằng: Năm tổ là m một bĩ, nghĩa là năm trăm nhà là m một là ng. Chữ viết từ bộ 邑 ấp thanh bĩ. Âm tổ ngược lại âm 祖 短 tổ đoản.

Đạt như 達 絮. Ngược lại âm 奴 雅 nô nhã. Trong văn kinh có viết 絮 như, ngược lại âm 思 預 tư dự. Trong sách người ta viết sai. Đây là tiếng Phạm, cũng gọi là 邊 夷 戎 羯 biên di nhưng yết. Nghĩa là loại người hạ tiện, không biết lễ nghĩa, giống như loài cầm thú.

Miệt lệ xa 蔑 戾 車. Âm trên là 眠 繫 miên miết, âm kế là 蓮 結 liên kết, âm dưới là 齒 遮 xỉ giá. Đây gọi là biên địa, tiếng Phạm ợc sai, lược, không đúng. Đúng âm Phạm nên gọi là Tốt lật, hai âm hiệp sa, dịch là tham vui dơ ướ, vật nơi địa phương hạ tiện, là người không tin chánh pháp.

Hoặc đàm 或 痰. Ngược lại âm 徒 含 đồ hàm. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 疒 tật thanh đàm, âm 疒 là âm 搨 nạch.

Thũng bao 腫 劓. Ngược lại âm là 之 勇 chi dũng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Mụn ghẻ mọc lâu ngày thành ung. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Sưng lên lên thành mục u, âm quý là âm 會 hội. Thuyết Văn cho là Mụn ung sưng lên. Ngược lại âm 於 恭 ư cung. Chữ viết từ bộ 肉 nhục đến bộ 疒 tật thanh 重 雍 trùng ung.

Mục huyền y 目 眩 依. Ngược lại âm 慧 絹 tuệ quyên. Giả Quy cho rằng: Huyền hoặc là bị hoa mắt. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nhìn không thấy rõ. Ngược lại âm dưới là 嬰 曳 anh duệ. Trong văn kinh viết y này là không thành chữ.

Khô cố 枯固. Ngược lại âm 康姑 kang cô. Khảo Thanh cho rằng: Cây khô chết, hoặc là viết khô 枯, là chữ cố.

Tương khiếp 箱篋. Ngược lại âm trên là 息羊 tức dương. Vận Anh Tập cho rằng: Tương đó hoặc gọi là dụng cụ đựng sách, y phục gọi là rương. Khảo Thanh cho rằng: Tương khiếp là cái rương, cái hòm. Ngược lại âm 輕頰 khinh giáp. Thuyết Văn cho rằng: Khiếp là cái rương bằng tre. Âm 筥 tứ là âm 四 tứ. Tự Thư cho rằng: Khiếp tương đều nghĩa là loại rương chứa sách, hoặc y phục.

Hành căn 莖稈. Ngược lại âm trên là 幸耕 hạnh canh. Khảo Thanh cho rằng: Hành 莖 là cái gốc, gốc cỏ gọi là 莖 hành. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Cọng cuống của cây cỏ. Thuyết Văn cho là Chủ của cành. Chữ viết từ bộ thảo thanh hành. Ngược lại âm dưới là 干 瀨 can lại. Theo Tả Truyện giải thích rằng: Thân cây lúa. Quảng Nhã cho rằng: Nhánh cây lúa gọi là 稈 can. Khảo Thanh cho rằng: Cọng mềm của cây lúa. Thuyết Văn cho rằng: Cũng là cọng cây lúa. Chữ viết từ bộ hòa thanh 旱 hãn, hoặc là viết can 稈 cũng đồng nghĩa. Trong văn kinh viết can 稈, lại viết can 稈, tuy cũng thông, nhưng chẳng phải nghĩa của kinh.

Toái kim 碎金. Ngược lại âm 蘇對 tô đối. Nghĩa là đập phá vỡ vụn. Khảo Thanh cho rằng: Toái 碎 là vỡ vụn vật, hư hoại, hoặc là viết toái 碎, là loại bình chai, do bộ ngõa. toái đây chẳng phải nghĩa đây dùng.

(Quyển 431, 432 không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 433

Giã tịch 假藉. Ngược lại âm 情夜 tình dạ, văn ở dưới đây là y cứ. Khảo Thanh cho rằng: Tịch là loại cỏ cho thú vật ăn.

(Quyển 434 không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 435

Ồi tạp 猥雜. Ngược lại âm 烏賄 ô hối, âm dưới là 呼每 hồ mỗi. Quảng Nhã cho rằng: Đông đúc. Theo Tự Thư cho rằng: Cũng là tạp loạn, dơ uế, hỗn tạp.

Lê thâm 黧甚. Ngược lại âm trên là 力遲 lực trì. Theo văn thông tục cho rằng: Đốm đen gọi là 黧 lê. Khảo Thanh cho rằng: Chấm đen trên gò má. Ngược lại âm 青旬 thanh tuần. Màu đen đó cũng gọi là già côi, mà vàng đó nghĩa là gọi cho một thời kỳ mở đầu cho văn tự âm nghĩa. Ngược lại âm 力奚 lực hề. Nay không lấy âm dưới. Ngược lại là âm 他感 tha cảm. Sở Từ chú giải rằng: Y theo ngày tháng kia sẽ biết rõ vết như, điều xấu xa đó mà có. Vương Dật chú giải rằng: Viên ngọc không có sáng sạch. Thuyết Văn cho rằng: Chấm đen đó khắc trên trán. Khảo Thanh cho rằng: Loại sơn.

Cùng tụy 羸. Ngược lại âm tương túy. Quyển thứ một trăm tám mươi đã giải thích rồi. Lại gọi là tiêu, ngược lại là âm 淨遙 tịnh diêu, nghĩa là ốm o tiêu tụy, hốc hác, xơ xác, khốn khổ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tụy là lo buồn, hoặc là viết tụy, là tụy, tụy, ba thể chữ cổ. Sau này chỉ dùng hai chữ trên.

Ngoan ngân 頑嚚. Ngược lại âm trên 關 ngōa quan. Âm dưới là 語斤 ngữ cân. Quyển một trăm lẻ tám trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Khinh tiêu 輕詭. Ngược lại âm 情笑 tình tiếu. Khảo Thanh cho rằng: Trách phạt, chỉ trích, chê cười. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Quở mắng, trách. Thuyết Văn cho rằng: Phiền nhiễu, rắc rối. Hoặc là viết 譙 tiêu, nghĩa là chê trách. Văn cổ viết tiêu 瞧.

Oa loa 蝸螺. Ngược lại âm trên là 果華 quả hoa. Nhĩ Nhã cho là Con ốc sên nhỏ. Ngược lại âm dưới là hư hòa. Trong kinh viết 螺 loa này là văn thường dùng.

(Quyển 436, không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 437

Hoạn khải 擐鎧. Âm trên là 患 hoạn. Theo Quế Uyển Châu Tòng cho rằng: Lấy áo giáp mặc vào người gọi là 擐 hoạn. Ngược lại âm dưới

là 苦代 khổ đại. Thuyết Văn cho rằng: Khải là cái áo giáp. Theo Văn Tự Tập Lược cho rằng: Lấy kim loại là m da, che thân gọi là 鎧 khải.

Cù lao 劬勞. Ngược lại âm 其驅 kỳ khu. theo Mao Thi Truyện cho là Vất vả, nhọc nhằn ngoài đồng, cũng gọi là bệnh.

Suy mao 衰耄. Ngược lại âm trên là 率追 suất truy. Vận Anh Tập cho rằng: Suy là nhỏ bé, yếu mềm. Ngược lại âm dưới là 莫報 mạc báo. Vận Anh Tập cho rằng: Mao là già. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Tám mươi, chín mươi tuổi gọi là 旄 mao (là âm 耄 mao này). Trịnh Huyền chú giải rằng: Mao lão đó là mêm uội hay quên, hoặc là viết chữ 耄 mao này, mao đều là chữ cổ.

Khu khiển 驅遣. Ngược lại âm 去于 khứ vu. Thuyết Văn cho rằng: Đánh cho ngựa chạy đi. Theo Văn Tự Tập Lược viết chữ cận 僅, là vẫn thường hay dùng. Lại cũng viết 馭 khu là chữ cổ, lại là thanh khứ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 438

Hủy tý. Ngược lại âm dưới là 子爾 tử nhĩ. Lại cũng là âm 子移 tử di, lại cũng là âm 茲此 tư thử, ba âm, đều thông dụng, hoặc là viết chữ bốn chữ tượng hình này đều là chữ cổ. Vận Anh Tập cho rằng: Tử là lời nói trách móc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tử là lời hủy nhục, thô ác, mắng nhiếc.

Phú tế 富蔽. Ngược lại âm 芳務 phương vụ, cũng là âm 卑袂 ti duệ, cũng gọi là che giấu.

Quán tập 慣習. Ngược lại âm 開患 khai hoạn. Khảo Thanh cho rằng: Gọi là thói quen. Tả Truyện viết chữ 貫 quán là chữ giả tá. Thuyết Văn viết chữ quán 串 này là cũng thông dụng. Trong văn kinh viết 串 xuyên, chữ cổ cũng thông dụng.

Mục nhân 牧人. Ngược lại âm 蒙卜 mông bốc. Ngọc Thiên cho rằng: Mục là tên gọi chung của người nuôi gia súc, chẳng phải chỉ riêng chữ mục là chỉ nuôi trâu bò, ngựa mà thôi. Nhĩ Nhã cho rằng: Ở ấp ngoài là nơi biên giới chỗ xa xôi hẻo lánh cũng gọi là 牧 mục.

Hoài dưng 懷孕. Ngược lại âm 胡乖 hồ quái. Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Hoài là an ổn. Ngược lại âm dưới là 餘 證 dư chứng. Trịnh Huyền chú giải rằng: Người con gái mang thai gọi là

孕 dựng. Thuyết Văn cho rằng: Ôm đứa con trong lòng. Quảng Nhã cho rằng: Ôm trên người. Âm thân, là âm 身 thân.

(Quyển 439, không có âm để giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 440

Khiếm khứ 欠 砧 âm dưới là 去 khứ. Tỳ Thương cho rằng: Khiếm khứ là há miệng ra. Trong văn kinh viết từ bộ khẩu viết? khứ. Theo Quế Uyển Châu Tông cho rằng: khứ 砧 là ngọa thanh (thanh ngang). Vận Thuyên Tập cho là vòng biên giới, giáp với nước khác, chẳng phải nghĩa này, nên đổi lại từ bộ 欠 khiếm viết thành khứ 砧. Theo hai chữ này đều hắc hơi ra, vẫn dùng rất thông dụng.

Táo nhiễu 躁擾. Ngược lại âm 歲 告 tuế cáo. Khảo Thanh cho rằng: Táo là tính nóng nảy, giao động, mau chóng, hoặc viết là chữ táo 躁 này cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là 如 沼 như chiếu. Thuyết Văn cho là Nhiễu là phiền. Khổng An Quốc chú giải rằng: Nhiễu loạn. Thuyết Văn cho rằng: Chữ nhiễu từ bộ 手 thủ viết thành chữ 憂 ưu. Ngược lại âm 奴 刀 nô đao, thanh nhiễu. Treo trong văn kinh viết từ bộ 卜 tâm, âm 心 tâm viết thành chữ nhiễu này là chẳng đúng.

Huất nhiên ngược lại âm 輝 筆 huy duật. Nghiệt Tông cho rằng: Huất la cấp bách, vội vàng. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Huất là thổi nhiên, bỗng nhiên nổi dậy. Thuyết Văn cho rằng: Gió thổi nổi dậy.

Vì âm 為 黯. Ngược lại âm 遐 輒 hà yết. Phương Ngôn cho rằng: Từ cửa nhìn ra mà giữa Đông nước Triệu, Ngụy gọi là trí tuệ, là thông minh. Khảo Thanh cho là Thông minh, lanh lợi, gian dối. Âm 姦 gian là âm gian. Vận Anh Tập cho là gian trá không thật thà. Âm 輒 yết ngược lại âm 烏 八 ô bát.

Quĩ mô 揆 模. Ngược lại âm trên là 葵 癸 quý quĩ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quĩ là đánh giá, đoán, phán đoán, âm 度 độ ngược lại âm 徒 各 đồ các. Theo Quế Uyển Châu Tông cho rằng: Thương lượng, đánh giá đối với việc gọi là 揆 quĩ. Ngược lại âm dưới là 莫 胡 mạc hồ. Tóm tắt cho rằng: Mô là khuôn mẫu phép tắc. Chữ viết từ bộ 木 mộc thanh 莫 mạc. Khảo Thanh cho rằng: Là mô hình, qui tắc. Tự Thư cho là Khuôn mẫu, gương mẫu. Cũng có viết từ bộ 扌 thủ âm 手 thủ, viết chữ 摸 mô. Chữ 摸 mô này là chẳng phải nghĩa ở đây dùng, hoặc là viết 撫

vũ, chữ 憊 vũ này đều là chữ cổ.

Đê bại 稊 稊. Ngược lại âm trên là 徒奚 đồ hề. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Giống như loại lúa ma, mọc hoang. Nhĩ Nhã cho rằng: Đồng với Khảo Thanh cho là tên của một loại cỏ. Vi Hoằng lại viết theo chữ đê 莨 này, hoặc là viết 秩 trật 種 chủng, đều là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là 蒲賣 bồ mại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nó giống như loại ngũ cốc mà khác. Thuyết Văn cho rằng: Giống lúa khác, hoặc là viết 稊 bại, là loại hạt gạo nhỏ.

Quĩ phạm 軌 範. Ngược lại âm trên là 俱葦 câu vi. Vận Anh Tập cho rằng: Vết bánh xe. Khảo Thanh cho rằng: Dấu vết của chiếc xe. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 車 xa đến bộ 宀 quĩ, âm 鬼 quĩ, thanh 省 tỉnh. Ngược lại âm dưới là 凡黯 phạm ảm. Nhĩ Nhã cho rằng: Là khuôn pháp thường. Tự Thư cho phạm là mô phỏng bắt chước. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 車 xa đến bộ 范 phạm thanh 省 tỉnh.

Phân tảo 糞 掃. Ngược lại âm trên là 分問 phân vấn. Vận Anh Tập cho là Đồ bỏ đi, vứt đi, hoặc viết là bốn chữ phân tượng hình này đều đồng. Ngược lại âm dưới là 蘇到 tô đáo. Vận Anh Tập cho là Tảo trừ, hoặc là viết chữ 掃 tảo. Theo chữ phân tảo đó là khác của áo nạp.

Khan lận 慳 吝. Ngược lại âm 口閑 khẩu nhàn. Vận Thuyên Tập cho rằng: Khan là bền chắc. Quế Uyển Châu Tông cho rằng: Yêu tiếc tài vật, không muốn xả bỏ gọi là 慳 khan, hoặc là viết chữ 吝, hai chữ khan này đều là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là 遴信 lân tín. Quảng Nhã cho rằng: Lận là thô bỉ hèn hạ. Vận Anh Tập cho rằng: Lận là tiếc là keo kiệt, hoặc viết chữ cổ.

Điệu cử 掉 擧. Ngược lại âm trên là 庭曜 đình diệu. Trong quyển thứ tám trước đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là 居圖 cư đồ. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 手 thủ thanh 與 dữ. Trong văn kinh viết 擧 cử này là văn thường dùng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 441

Khiếm hận 慊 恨. Ngược lại âm trên là 刑兼 hình kiêm. Vận Anh Tập cho là hiềm nghi. Vương Bật chú giải sách Chu Dịch rằng: Tâm không bình lặng, không vừa lòng, bất mãn. Khảo Thanh cho rằng: Tâm

xấu ác. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ 女 nữ đến bộ 兼 kiêm, thanh 兼 kiêm, cũng viết 慊 khiếm này đều đồng nghĩa.

(Quyển 442, 443 đều không có âm để giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 444

Phù nang 浮囊. Ngược lại âm trên là 附無 phụ vô. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trôi nổi gọi là 浮 phù. Chữ phù ngược lại âm 芳劍 phương kiếm. Giả Quỳnh chú giải sách Quốc ngữ rằng: Phù đó là nhẹ. Ngược lại âm dưới là 奴即 nô tức. Thuyết Văn cho là cái túi. Âm 託 thác, theo nghĩa là cái túi da chứa hơi, dựa theo chữ phù nang là cái túi chứa hơi để qua sông lớn. Trong kinh lấy chữ 浮 phù là nổi lên nhẹ nhàng để là m ví dụ.

Phôi ngổa 坯? Ngược lại âm trên là 普抔 phổ bồi. Vận Anh Tập cho rằng: Gạch ngổa chứa nung gọi là phôi. Ngược lại âm dưới là 五寡 ngũ quả. Đất đem đi nung là m gạch xây nhà, hoặc là là m bình, dụng cụ đựng đồ.

Lan hoại 爛壞. Ngược lại âm 郎旦 lang đán. Phương ngôn cho rằng: Hầm lửa chín như gọi là 爛 lan. Ngược lại âm dưới là 胡怪 hồ quái. Hoại nghĩa là phá hư, hư hoại.

Suy hao 衰. Ngược lại âm trên là 霜歸 sương quy. Vận Anh Tập cho rằng: Suy là yếu đi, nhỏ nhắn, mềm mại. Chữ suy cũng giống như chữ, nghĩa là tổn giảm. Ngược lại âm dưới là 高奧 cao áo. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hao là tiêu mất. Vận Anh Tập cho rằng: Hao là giảm bớt, hao hụt.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 445

Tướng soái 將帥. Ngược lại âm trên là 精漾 tinh dạng. Ngược lại âm 半匠 bán tương. Khảo Thanh cho rằng: Quân, vua, là thầy. Ngược lại âm dưới là 衰類 suy loại. Tự Thư cho rằng: Lãnh, hoặc là viết 衛 vệ, âm này cũng đồng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 446

Thuần thực 淳熟. Ngược lại âm 乘倫 thù luân. Vận Anh Tập cho rằng: Thuần là tươi nước. Khảo Thanh cho rằng: Thuần sạch, lại cũng gọi là thuần phác, nghĩa là thật thà chất phác. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tươi nước đều hòa gọi là 淳 thuần.

Hà mạo 何藐. Ngược lại âm 茅豹 mao báo. Vận Anh Tập cho rằng: Dung nghi, hoặc viết chữ 兒 nhi. Theo sách Thượng Thư Hồng Phạm cho rằng: Gọi là một dáng mạo. Khổng An Quốc cho rằng: Dung nghi, hoặc viết mạo 藐, chữ cổ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 447

Ốt-Bát-Ba-Hoa 唵 鉢 羅 花. Ngược lại âm 烏骨 ô cốt. Là tiếng Phạm, tên một loài hoa, Sen màu xanh lá nhỏ. Xưa gọi là 漚 鉢 羅 Âu bát la, hoặc tên là 優 羅 兜 鉢 羅 Ưu Bát La, đều sai. Đây là loài hoa rất thơm, rất lớn, ở nhân gian không hề có, hoa này có trong ao Vô Nhiệt Nảo, ở núi Tuyết.

Bát-đắc-Ma Hoa 鉢 特 摩 花. Cũng là Tiếng Phạm, tên một loài hoa, hoặc gọi là 鉢 頭 摩 Bát Đầu Ma, hoặc gọi là 鉢 弩 摩 Bát Nỗ Ma. Đúng gọi là 納 摩 Bát Nạp Ma, tức là hoa Sen hồng, cũng gọi tên là hoa sen vàng.

Câu-Mư-Đà-Hoa 拘 牟 陀 花. Tiếng Phạm, tên là hoa Sen đỏ, hoặc gọi là 拘 勿 頭 Câ Vật Đầu. Gọi đúng là 拘 牟 那 Câu Mâu Na, tức là hoa Sen đỏ đậm. Ở nhân gian cũng ít có, phần nhiều là ở ao Vô Nhiệt Nảo.

Bôn trà lợi hoa 奔 荼 利 花. Cũng là tiếng Phạm, tên là Bạch Liên Hoa, hoa Sen trắng. Xưa gọi là 芬 陀 利 Phân Đà Lợi. Gọi cho đúng là 奔 孛 鉢 羅 Bôn Nô, thanh khứ. Âm là âm 奴 雅 nô nhã. Cũng gọi là 嘿 迦 Hắc ca. Đây gọi là hoa Sen trắng, ở nhân gian cũng ít có, chỉ có trong ao Vô Nhiệt Nảo.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 448

Phiến đệ 娑扇. Ngược lại âm lặc da. Tiếng Phạm. Đây gọi là người Huỳnh môn, có năm loại. Âm nghĩa quyển thứ tư trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Manh lung ám á 盲聾暗亞 v.v... đều như trước âm trong quyển thứ năm đã giải thích đầy đủ.

Vô hà 無暇. Ngược lại âm 行駕 hành giá. Giả Quy chú giải sách Quốc ngữ rằng: Hà 暇 là an nhàn rảnh rỗi. Vận Anh Tập cho rằng: Hà là nhàn nhã, thông dong. Khổng An Quốc cho rằng: Hà là rộng rãi.

Du 踰於. Ngược lại âm 庾朱 du chu. Quảng Nhã cho rằng: Du là xa. Lại gọi du là vượt qua sông. Thuyết Văn cho rằng: Du là vượt qua. Chữ viết từ bộ 足 túc âm túc thanh 俞 du.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 449

Vi đăn 為但. Ngược lại âm trên là 葦危 vi nguy. Văn dưới là đều đồng. Ngược lại âm dưới là đường đán 唐旦. Khảo Thanh cho rằng: Đăn 但 là loại từ ngữ.

Yểm bối 背. Ngược lại âm trên là 伊焰 y diêm. Khảo Thanh cho rằng: Nợ đủ rồi. Vận Anh Tập cho rằng: Yểm là mỗi một. Tự Thư cho rằng: Yểm là khổ. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ 厂 hán âm 罕 hãn, đến bộ 犬 khuyển, đến bộ 甘 cam, đến bộ 肉 nhục, hoặc viết là 俺 食 yểm thực cũng thông dụng, là chữ cổ.

Đường thọ 唐壽. Ngọc Thiên cho là Đường đồ. Tự Thư cho rằng: Đường hư. Thuyết Văn cho rằng: Nên nói là Đường Đại ngôn.

Hoạn đối 擯對. Trên vốn là âm 患 hoạn. Theo Tả Truyện cho rằng: Hoạn là xuyên qua. Quế Uyển Châu Tông cho rằng: áo giáp mặc vào thân, gọi là 擯 hoạn. Khảo Thanh cho rằng: Mặc áo thanh giáp. Ngược lại âm dưới là 當 蓋 đương cái. Tự Thư cho rằng: Đối là buộc vào. Theo chữ “Hoạn đối” là trang nghiêm, mặc áo giáp, buộc thắt dây sửa cho trang nghiêm, oai vệ. Thuyết Văn cho rằng: Đối là dây thắt lưng. Y phục của người nam đó thắt lưng bằng dây da, y phục của người nữ thắt lưng bằng dây tơ lụa. Giống như đồ trang sức đeo trên mình vậy,

mà cũng giống như cái khăn. Cho nên chữ đối 對 viết từ bộ 巾 cân. Nay trong văn kinh viết chữ đối này là chẳng đúng.

Giáp trụ 甲冑. Ngược lại là âm 稠 又 trù hựu. Khảo Thanh cho rằng: 冑 鎧 trụ khải, là áo giáp. Ngày xưa dùng da là m áo giáp nên gọi là 甲 giáp. Ngày nay dùng kim loại là m áo giáp nên gọi là 鎧 khải. Ngược lại âm 冑 代 khải đại. Khải cung là áo giáp, trụ cũng là áo giáp. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 日 viết. Ngược lại âm 莫 保 mạc bảo. Viết chữ 冑, trong văn kinh viết từ bộ 月 nguyệt là chẳng đúng.

Khuyết giảm 缺減. Ngược lại âm trên là 犬 悅 khuyển duyệt. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khuyết là hao tổn. Thuyết Văn cho rằng: Dụng cụ chứa đã bể. Chữ viết từ bộ 缶 phũ đến 決 quyết thanh 省 tỉnh. Ngược lại âm dưới là 咸 黯 hàm ảm. Ngược lại âm 甲 咸 giáp hàm. Tự Điển giải thích: Tự hao tổn, thiếu thốn. Âm dưới gọi là 減 giảm. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Giảm là hao hụt bớt đi. Chữ viết từ bộ thủy thanh 咸 hàm.

Kỹ nghệ 技藝. Ngược lại âm trên là 渠 綺 cử ỷ. Thuyết Văn cho rằng: Kỹ 技 là khéo léo. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ kỹ giống như chữ nghệ. Trong văn kinh viết từ bộ 人 nhân, viết thành chữ 伎 kỹ là chẳng đúng. Vận Thuyên Tập cho rằng: Chữ 伎 kỹ này giống như là chữ 傷 thương, nghĩa là tổn hại. Cùng với chữ 全 toàn có phần trái. Nên trong văn kinh đối ý viết từ bộ 扌 thủ âm 手 thủ, viết thành chữ 技 kỹ này nghĩa là tài năng khéo léo.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 450

Tiêu chú 焦炷. Ngược lại âm trên là 即 姚 tức diêu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tiêu 焦 là mùi hôi. Quảng Nhã cho rằng: Tiêu là màu đen. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ truy, chuy đến bộ hỏa. Trong văn kinh phần nhiều viết chữ 焦 tiêu này. Ngược lại âm 即 藥 tức dược. Theo chữ 焦 tiêu này là nghĩa cây nến trên lưng con rùa gỗ, chẳng phải nghĩa trong kinh. Ngược lại âm dưới là 炷 chú là âm 注 chú. Theo chữ 炷 chú đó là cái tim đèn. Văn dưới viết 焦炷 tiêu chú, thời gần đây rút ra. Trong kinh Thuyết Văn nói: Trong văn kinh không có, cũng là chữ hình thanh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 451

Tệ hoại 弊壞. Ngược lại âm trên là 毘袂 tỳ duệ. Vận Thuyên Tập cho là tệ ác. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện cho rằng: Tệ là suy giảm hư hoại. Thiên Thương Hiệt cho là Rất tệ. Khảo Thanh cho rằng: Tệ liệt quá kém. Xưa nay chữ đúng viết từ bộ 卂 củng, âm 卂 củng là âm 供 cung thanh 敝 tệ, âm 敝 tệ ngược lại âm 婢世 tỳ thế. Ngược lại âm dưới là 胡怪 hồ quái. Vận Thuyên Tập cho rằng: Tự phá hư hoại gọi là 壞 hoại. Khảo Thanh cho rằng: Hủy hoại 壞 phá bỏ, bại hoại. Lại viết hoại là chữ cổ.

Cố luyện 顧戀. Ngược lại âm 光戶 quang hộ. Trịnh Huyền, chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Quay đầu lại gọi là 顧 cố. Lại gọi là cố nghĩa là nhìn, nhớ nghĩ. Thiên Thương Hiệt chép: Cố bao quanh vòng tròn. Quảng Nhã cho rằng: Cố là hướng theo, hoặc viết là cố là văn thông dụng thường dùng. Thuyết Văn cho rằng: Cố là còn nhìn mãi. Chữ viết từ bộ 頁 hiệt thanh 故 cố. Ngược lại âm dưới là 力眷 lực quyển. Khảo Thanh cho là luyện là nhớ. Sách Sử Ký cho là luyện mền nhớ nghĩ. Chữ viết từ bộ 心 tâm âm luyện, thanh luyện. Trong văn kinh cũng có viết 變 luyện này là sai, chẳng phải nghĩa của kinh.

Cánh tương 哽相. Ngược lại âm trên là 古莖 cổ hành. Nay thông dụng viết 更 cánh. Theo văn thông dụng nghĩa là đã lâu rồi. Ngược lại âm dưới là 相羊 tương dương.

Tiêu tụy ngược lại âm trên là 情遙 tình diêu, âm dưới là 情 tình truy. Vận Anh Tập cho rằng: Tiêu tụy là ốm yếu, hốc hác, xấu xí, hoặc là viết 焦 tiêu tụy này. Khảo Thanh cho rằng: Lo âu, buồn rầu. Ngược lại âm 體亦 thể diệc. Trong Ban Cố Hán Thư viết là tiêu tụy này, nghĩa là cây chuối mềm. Theo Mao Thi Truyện viết chữ 譙 tiêu. Trong Hán Thư Vua Vũ viết tiêu tụy, đều là đại đồng lớn nhỏ khác nhau, chẳng phải chánh thể.

Bỉ ố 鄙穢. Ngược lại âm trên là 悲美 bi mỹ. Theo Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bỉ đó là biên giới thuộc vùng đất ấp xa đô thành. Theo sách Sử Ký cho rằng: Gọi là biên giới, ngoài hoang dã, vùng đất hẻo lánh, cũng gọi là “bỉ lậu” nghĩa là xấu ác tối tệ, cũng gọi là “Bỉ phu” là hèn hạ. Ngược lại âm dưới là 於衛 ư vệ. Vận Anh Tập cho rằng: ố là ác, dơ ố, xấu ác. Tự Thư cho là không sạch sẽ là Chữ tượng hình.

Mâu tán 矛撒 Ngược lại âm trên là 莫候 mạc hậu. Xưa nay chữ

viết đúng là 矛撒 đậu mâu, nghĩa là đến kịp với binh xa, loại vũ khí ngày xưa, dài hai trượng năm thước. Chữ tượng hình. Hoặc viết là 撒 mâu, chữ cổ, hoặc là viết 撒 mâu này cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là 倉亂 thương loạn. Khảo Thanh cho là dùng cây mâu đâm thẳng vào, ném thẳng. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 矛 mâu thanh 贊 tán.

Xú lậu 醜陋. Ngược lại âm trên là 昌首 xướng thủ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Xú 醜 là đáng ghét, ghét cay, ghét đắng. Chữ viết từ bộ 鬼 quỷ thanh 酉 đậu. Ngược lại âm dưới là 郎豆 lang đậu. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Lậu là nhỏ chật hẹp, nói rằng cái nhà nhỏ chật hẹp đáng ghét. Thuyết Văn cho là Nơi vùng biên cương, hiểm hóc, chật hẹp. Chữ viết từ bộ 阜 phụ thanh lậu. Ngược lại âm 勒豆 lặc đậu.

Thống nhiếp 統攝. Ngược lại âm trên là 他貢 tha cống. Ngược lại âm dưới là 商業 thương nghiệp.

Đoản xúc 短促. Ngược lại âm thanh 青欲 thanh dục.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 452

Cao tường 翱翔. Ngược lại âm trên là 吾高 ngô cao, âm dưới là 夕羊 tịch dương. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Mặc áo da cừ thật quý phái, cao quý. Trịnh Tiến cho rằng: 翔 cao tường cũng giống như tiêu diêu tự tại. Nhĩ Nhã cho là Con diều hâu đáng ghét nó bay lượn trên không gọi là 翔 tường. Quách Phác cho rằng: Cánh chim bay lượn. Tóm tắt cho rằng: Bay mà cánh không động gọi là tường. Thuyết Văn cho rằng: Bay lượn vòng quanh. Hai chữ này đều từ bộ 羽 vũ âm 皋 cao. Chữ 高 cao, chữ 羊 dương thanh đều bằng nhau, chữ đều tả hình hữu thanh.

Câu ngại 拘礙. Ngược lại âm trên là 俱 câu, âm dưới là 五蓋 ngũ cái.

Dẫn đoạt 引奪. Ngược lại âm 徒活 đồ hoạt. Tự Thư cho rằng: Đoạt mất. Khảo Thanh và Mao Thi Truyện cho rằng: Mất một con chim gọi là 奪 đoạt, vốn viết chữ đoạt 奪 này. Trong Thạch kinh lại viết đoạt 奪, hoặc viết chữ 稅 thuế đều là chữ cổ. Có khi viết từ bộ 六 lục viết thành chữ 奪 đoạt đó là chẳng đúng, nên đổi lại chữ này.

Đằng dưng 騰踴. Ngược lại âm trên là 徒登 đồ đăng. Trang Tử

cho rằng: Đẳng là nhãy vượt qua, âm 躍 được là âm 藥 được. Mà âm trên Ngọc Thiên cho rằng: Chữ đẳng cũng giống như chữ diêu dưới 佻躍 nghĩa là vượt lên. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Là con ngựa chạy nhanh. Quảng Nhã cho là đuổi theo phía trước, vượt qua. Thuyết Văn cho rằng: Đẳng là duyên. Chữ viết từ bộ 舟 chu, đến bộ 馬 mã, âm quyển là âm 卷 quyển, thanh 卷 quyển. Ngược lại âm dưới là 羊種 dương chủng. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Dũng là nhãy lên. Theo Hán Thư cho rằng: Vật ngoài chợ như là gạo, đường, các thứ tăng vọt lên, một muôn đồng tiền. Thuyết Văn cho rằng: Dũng là nhãy lên. Chữ viết từ bộ 足 túc thanh 勇 dũng, hoặc là viết 踴避踴 dũng ty dũng, đều là chữ cổ.

Bàng sanh 傍生. Ngược lại âm 蒲忙 bồ mang. Chữ bàng sanh nghĩa là , trên từ rồng, loài cầm thú gia súc dưới đến như loài thủy lục côn trùng, âm 昆 côn 蟲 trùng. Ngược lại là âm 涿融 trọc dung. Nghĩa là theo nghiệp mà luân hồi trong vòng đường ác chẳng phải chánh đạo của con đường của trời người, gọi là Bàng sanh.

Tý hủy ngược lại âm trên là 茲此 tư thử. Âm của nước Ngô là 子耳 tử nhĩ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Miệng hũy nhục gọi là tử. Thuyết Văn cho rằng: tử 訾 là mắng nhiếc. Chữ viết từ bộ 口 khẩu thanh 此 thử. Trong kinh văn có khi viết 訾 tử cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm dưới là 暉鬼 huy quỷ. Theo Nhĩ Nhã cho là hủy hoại. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phá hủy. Cố Dã Vương cho rằng: Hủy cũng giống như tổn hại, bên trong tổn hại gọi là hủy, bên ngoài tổn hại gọi là 傷 thương. Thuyết Văn cho là Hủy là thiếu. Chữ viết từ bộ 土 thổ đến 殺 sát, thanh 省 tỉnh, hoặc viết từ bộ 王 vương. Ngược lại âm 體鄭 thể trịnh. Viết chữ hủy này là chữ cổ.

Khinh miệt 輕蔑. Ngược lại âm 眠鰲 miên miết. Thuyết Văn cho rằng: Miệt khinh xem thường. Nên chữ viết từ bộ 心 tâm âm 心 tâm, viết thanh chữ miệt. Trong văn kinh đơn viết 蔑 miệt này, nghĩa là con mắt lao nhọc không tinh tường sáng suốt mỗi miệt muốn đi ngủ, đây chẳng phải nghĩa trong kinh. Âm dị 易 ngược lại âm 移智 di trí. Trong đây giữa nguyên bốn, thoát ra một nghĩa nhân và duyên, vốn ở trên núi, đều đồng.

Đam nhiễm 耽染. Ngược lại âm 答南 đáp nam. Khảo Thanh cho rằng: Đam là sở thích mê say, chơi đùa, nhàn nhã. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 身 thân, đến bộ 冫 thanh 省 tỉnh. Ngược lại âm dưới là 而琰 nhi diễm. Khảo Thanh cho là Nhiễm ô, mê đắm. Thuyết Văn nói là chữ viết từ bộ 水 thủy thanh nhiễm.

Vi Sư vi đạo 為師為導. Ngược lại âm 葦危 vi nguy, trở lên trong văn kinh đều đồng trên.

Châu chữ 洲渚. Ngược lại âm trên là 章由 chương do. Trong nước có thể chữ gọi là 洲 châu. Ngược lại âm dưới là 章暑 chương thử. Bến nước gọi là 渚 chữ.

(Quyển 453 không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 454

Thông mẫn 聰敏. Ngược lại âm trên là 倉公 thương công. Hàn Thi Truyền cho là thông minh. Khảo Thanh cho rằng: Tai nghe phán xét rõ ràng. Thuyết Văn cho rằng: Thông suốt chính xác. Chữ viết từ bộ 耳 nhĩ thanh thông. Ngược lại âm dưới là 眉殞 mi vẫn. Khảo Thanh cho rằng: Tai nghe ồn ào, in òi. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Mẫn là được sáng suốt đối với sự việc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyền rằng: Mẫn đạt, lại cũng gọi là xét thật. Theo Thanh Loại cho rằng: Mẫn là cung kính. Thuyết Văn cho rằng: Mẫn là rất mau. Chữ viết từ bộ phộc, đến bộ 每 mỗi thanh 母 mẫu. Ngược lại là âm 母改 mẫu cải. Chữ mỗi 每 cũng là thanh

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 455

Nguyên đế 源底. Ngược lại âm 愚素 ngu tố. Quảng Nhã cho rằng: Nguồn gốc của vạn vật gọi là 源 nguyên. Ngọc Thiên cho rằng: Gốc của vật. Sách Lễ Ký cho rằng: Là nguồn gốc đạt tới nơi “Lễ Nhạc”. Trịnh Huyền chú giải rằng: Nguyên là nguồn gốc. Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ 原 nguyên là chữ tượng hình. Từ chữ 泉 tuyền, hoặc viết 源 nguyên, chữ này cũng đồng nghĩa.

Giáp trụ 甲冑. Ngược lại âm 持右 trì hữu. Quyển thứ bốn mươi chín trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Chùy đả 打. Ngược lại âm 章爨 chương lũy. Khảo Thanh cho rằng: Chùy là đánh, hoặc là viết chùy, chữ cổ, hoặc viết là chùy cũng

thông dụng.

Thiên nhãn 挑眼, Ngược lại âm 體遙 thể diêu. Khảo Thanh cho rằng: Thiên 挑 là chọn lựa ra. Ngược lại âm là 悅 dinh duyệt. Chữ 淵 uyên, thanh 入 nhập, từ bộ 扌 thủ âm 手 thủ thanh thiên. Cũng có khi viết từ bộ 木 là chẳng đúng.

Nghị tị 劓鼻. Ngược lại âm 魚器 ngư khí. Khổng Thị chú giải rằng: Nghị là bị cắt mũi. Người bị thương là bị dùng hình phạt cắt mũi. Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Hình phạt cắt mũi. Thuyết Văn cho rằng: Nghị là quyết định cắt bỏ đi mũi, hoặc là viết 劓 nghị này cũng thông dụng.

Diêm ma quỷ giới 爛魔鬼界. Ngược lại âm trên là 閻漸 diêm tiêm. 爛魔 Lan ma là tiếng Phạm. Tên là quỷ thú. Trong văn kinh viết 剋魔 Diêm ma, âm 剋 diêm ngược lại âm 揚染 dương nhiễm, là sai lược, không đúng. Trong âm Phạm gọi là 爛魔 diêm ma, dịch nghĩa là bình đẳng. Nghĩa là vị Vua này là chủ quản trong coi về chỗ phát sanh đối với tội phước mà quyết định đoạt số phận, giữ nơi Địa Ngục, tám chỗ nóng, tám chỗ lạnh và lấy là m quyền thuộc với các địa ngục nhỏ khác, và ném các quỷ tốt vào nơi trong năm đường. Nắm lấy người có tội đánh đập khảo tra, trị tội. Quyết đoán thiện ác, lại không có ngừng nghĩ. Cho nên trong Tam Thụ Kinh nói rằng: giao phó người tội cho Diêm Vương, rộng mà phán xét tùy theo nghiệp mà thọ quả báo, nhân tốt thì sanh vào con đường thiện, nghiệp ác thì theo con đường bần lầy mà đọa vào Địa ngục, tức là là m việc ấy.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 456

Tát ca da kiến 薩迦耶見. Âm 迦 là âm 僵 厶 cương khứ, âm 耶 da là lấy âm 遮 giá. Là tiếng Phạm. Hán dịch là 身見迦耶 Thân kiến ca da, tên là 身薩 Thân tát, gọi là di chuyển, không thật nghĩa. Đây gọi là nơi thân của ngoại đạo, khởi nên chỗ thấy thân không thật, thấy không đúng. Nên gọi 薩迦耶見 Tát ca da kiến.

Dục khấu 欲扣, âm 口 khẩu. Khổng An Quốc cho rằng: 扣 khấu là đánh gõ. Quảng Nhã cho rằng: Khấu là nắm giữ. Khảo Thanh cho rằng: Cây roi da quất ngựa. Câu 拘 chữ viết từ bộ 扌 thủ.

Tích vi 析為. Ngược lại âm 星亦 tinh diệc. Vận Anh Tập cho

rằng: tích là phân ra. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 扌 Thủ âm 手 thủ, đến bộ 片 phiến âm 片 phiến là 破 phá, nghĩa là chặt cây, hoặc là viết từ bộ 木 mộc, đến bộ 斤 cân viết thành chữ 析 tích, cũng thông dụng.

Trích số 滴數. Ngược lại âm 丁歷 đình lịch, âm dưới là 霜句 sương cú. Thuyết Văn cho rằng: Giọt nước nhỏ xuống. Trong văn kinh viết từ bộ 帝 đế viết thành chữ 霑, âm đế ngược lại âm 丁計 đình kế, cũng có nghĩa là giọt nước chảy xuống, chẳng phải nghĩa trong kinh, người viết sách viết sai ý.

Bất khứu 不嗅. Ngược lại âm 休右 hữu hữu. Vận Anh Tập cho là Lấy mũi ngửi hơi. Thuyết Văn cho rằng: Mũi chính là ngửi, nên gọi là khứu 嗅, âm 咒 chú ngược lại âm 昌咒 xương chú.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 457

Y hộ 依怙. Ngược lại âm 胡故 hồ cố. Khảo Thanh cho rằng: Hộ nghĩa là chỗ nương tựa.

Đầu thú 投趣. Ngược lại âm 徒侯 đồ hầu. Khảo Thanh cho rằng: 投 đầu là ném, cũng gọi là đi đến, hợp thời, kịp lúc. Thuyết Văn cho là Đánh gỗ lác lư, đong đưa, hoặc là viết là đầu 頭, là chữ cổ.

Châu chử 洲渚. Trong nước có chỗ có thể ở được gọi là 洲 châu. Ngược lại âm dưới là 之與 chi dữ, nghĩa là bến nước.

Cãng Già 殭伽 ngược lại âm Ngư Cảnh 漁景, là tên một con sông ở Ấn độ. Sông này bắt nguồn từ ao Vô Nhiệt Não. Vì cát nhỏ rất nhiều nên lấy là m thí dụ

Kháng Đối 抗對 ngược lại là Khổ Lãng 苦浪. Khảo Thanh nói là Kháng Già. Vận Anh nói là Kháng Hãn nghĩa là cát nhấc. Văn Kinh viết theo bộ nhân là Kháng Lệ nghĩa là đôi lứa chứ không phải Kháng là chống đỡ.

Lượng Thuận 諒順 ngược lại là Lực Trượng 力仗. Mao Thi Truyện nói là Lượng Tín. Phương Ngôn nói Chúng tín là Lượng, nghĩa là xét biết. Khảo Thanh nói tự mình giữ lấy điều Tín gọi là Lượng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ Ngôn 言 và chữ Lương 涼 được lược bớt.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 458

Năng Biện 能辦 ngược lại là Bạch Mạn 白慢

Trở Hoại 阻壞 ngược lại là Trang Sở 莊所. Khảo Thanh nói

là

Trở Nạn nghĩa là nghi ngờ. Quảng Nhã nói là Trở Hiểm. Chữ Hoại ngược lại là Xan. Vận Thuyên nói tự mình phá là Hoại.

Thực Đa 殖多 ngược lại là Thời Đa. Khổng Chú Thượng Thư nói Thực là sinh ra. Đỗ Chú Tả Truyện nói Thực là lớn lên. Thương Hiệt thiên nói Thực là dứt là nhiều. Khảo Thanh nói Thực là trồng. Quảng Nhã cũng nói nghĩa là trồng

Yếm Quyện 厭倦 ngược lại là Y Diệm 伊焰

Dũng Lệ 勇勵 ngược lại là Lực Trệ 力滯 Đỗ Chú Tả truyện nói cùng siêng năng là Lệ. Ngọc Thiên nói Lệ như là Miễn 勉 nghĩa là gắng sức vậy

Tu Du 須臾 là tiếng Phạm. Xưa dịch sai do lược. Đúng tiếng Phạm âm là Mô 謨. Hộ Luật Đa Câu xá Luận nói một ngày một đêm có 30 Tu du cộng phân thành 60 khắc

Nga Nhĩ 俄爾 ngược lại là Ngũ Ca 五哥 nghĩa là một ít thời gian trốn lánh

Thuấn Tức 瞬息 ngược lại là Thức Nhuận 式. Thuyết Văn nói mở mắt nhắm mắt thường dao động. Chữ Tức 息 là không ngừng hơi thở (liên tục)

Trọng Đảm 重擔 ngược lại là Đương Lạm 當濫, nghĩa là gánh vác

Phiên Oan 煩冤 ngược lại là Ư Viên 於袁. Hoặc là m chữ Oán 慙 cũng đồng. Quảng Nhã nói Oan Uổng, Khảo Thanh nói Oan Khuất, Oan Khổ. Kinh văn nói Oán là sai

Trà Độc 荼毒 ngược lại là Đỗ Hồ 杜胡. Mao Thi nói, thà là m ác như Trà độc, chứ ai nói Trà độc ngọt như rau má. Nhĩ Nhã nói là loại rau đắng. Xưa nay Chánh tự nói từ âm Thảo và Dư 草余 hợp thành

Tư Cầu 伺求 ngược lại là Tư Tư 思恣. Vận Anh nói là Tư Hầu nghĩa là tra xét

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 459

Tốn Tạ 遜謝 ngược lại là Tô Đốn 蘇頓. Vận Anh nói Tốn là nghĩa cung kính, tuân phục. Khảo Thanh nói là nghĩa thuận, cũng có nghĩa tránh

Nguy Thúy 危脆, ngược lại là Thuyên Tuế 筌歲. Khảo Thanh nói Nguy là nghĩa yếu ớt

Nhục Phì 肉肥 hoặc từ chữ Thuế 毳 mà là m thành chữ Thuế 臙 cũng dùng chung được.

Trầm Nịch 沈溺 ngược lại chữ Trầm là Trực Lâm 直林. Chữ dưới là Nê Lịch 泥歷

Giải Tức 懈怠 ngược lại là Gia Âm 家陰 là Giải Đãi nghĩa là lừa dối. Tương truyền âm Giá 嫁 là sai.

Khối Đẳng 塊等 ngược lại là Khổ Hối 苦悔 Thư Âm Nghĩa nói là Thổ Khối

Đả Trịch 打擲 ngược lại là Trụ Thạch 住石. Thuyết Văn nói là Đầu (gieo xuống). Thể đúng là Đả Trích 打擿

Phân Giải 分解 ngược lại là Giai Mại 皆買. Đọc Cổ 賈 là sai

Kịch Khổ 劇苦 ngược lại là Kỳ Nghịch 其逆. Thương Hiệt Thiên nói Kịch là dốc sức. Khảo Thanh nói Kịch là nghĩa rất. Xưa nay Chánh tự nói phàm có bệnh chữa trị ít, ắt bệnh nặng hơn trước là nghĩa Kịch

Phấn Tấn 奮迅 ngược lại là Phân Vấn 分問. Khảo Thanh nói Phấn Tiến 奮進 là nghĩa động. Trịnh Huyền chua sách Mao Thi nói là Phấn chấn, nghĩa khởi dậy. Tư Mã chú thích sách Trang Tử nói Phấn là dáng mạo võ, nghĩa như là loài chim lớn ở giữa ruộng muốn vỗ cánh bay.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 460

Kỷ Sự 已事 đồng với âm Ky 幾 ở sau

Dị Vi 易為 ngược lại Dị là Di Trí 移智, ngược lại Vi là Vi Nguy 葦危

Khởi Trọng 鎧仗 ngược lại là Khẩu Đại 口代 Thuyết Văn nói Khởi là áo giáp. Từ nghĩa vàng, niềm vui chiến thắng mà tỉnh lược

phiên âm

Oan Địch 怨敵 ngược lại là Ư Viên 於袁 Kinh văn là m chữ Oán 怨 là sai.

Giai Độn 皆鈍 ngược lại là Đồ Thấu 徒, Nô Tốn 奴巽. Vận Anh nói nghĩa là dao không sắc

Tâm Tủy 心髓 ngược lại là Tuy Tủy 雖髓 Thuyết Văn nói là chất mỡ trong xương cốt

Năng Biện 能辦 ngược lại là Bạch Mạn 白慢

Am Một La Quả 菴沒羅果 (Tên tiếng Phạm của một loại quả, hoặc nói Am Bà La, đây tức quả Am la)

Bán Na Sa Quả 半娜娑果 (cũng là tên tiếng Phạm của một loại quả ở Ấn độ, hình dạng như quả dưa. Trung Hoa đều không có.

